

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày: 12/9/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Trần Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Quách Xuân Luyện và bà Lê Thị Hà;

- *Thư ký phiên toà:* ông Đặng Trần Kim Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:* ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2024, về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1965, bà Trần Thị B - sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: thôn T P, xã L P, huyện T L, tỉnh Hà Nam;

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị B là ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1965 (theo Giấy ủy quyền ngày 11 tháng 7 năm 2024); có mặt.

* **Bị đơn:** bà Đỗ Thị Thu T (Đỗ Thị T) - sinh năm 1976; có mặt.

Địa chỉ: thôn T P, xã L P, huyện T L, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn - ông Nguyễn Văn T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị B trình bày:

Ông và vợ ông là bà Trần Thị B với bà Đỗ Thị Thu T (Đỗ Thị T) là người cùng thôn với nhau, từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì, do tin tưởng là người cùng thôn nên từ tháng 2 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022 vợ chồng ông có cho bà T vay vàng và tiền nhiều lần cụ thể như sau:

+ *Lần thứ nhất*: sáng ngày 21/02/2021, bà T đến nhà vợ chồng ông hỏi vay 02 (hai) cây vàng 9999 và đưa ra lý do lo cho con trai đi du học nước ngoài hai bên thỏa thuận lãi xuất là 10.000.000 đồng/01 năm/02 cây vàng, sau 01 năm mới phải trả lãi. Vì là hàng xóm tin tưởng nhau nên vợ chồng ông đã cho bà T vay 02 (hai) cây vàng 9999.

+ *Lần thứ hai*: ngay trong chiều cùng ngày 21/02/2021 bà T tiếp tục hỏi vay thêm 01 cây vàng nữa cũng đưa lý do lo cho con đi du học, vợ ông nhất trí tiếp tục cho bà T vay thêm 01 cây vàng 9999 lãi xuất là 5.000.000 đồng/01 năm, đồng thời các bên cam kết, hứa miệng với nhau khi nào vợ chồng ông đòi thì phải báo trước 01 tháng cho bà T (khi vay hai bên có viết giấy vay tiền). Sau khi vay, bà T đã trả lãi đầy đủ theo cam kết cho vợ chồng ông đến hết năm 2022 (khi bà T trả lãi hai bên không viết giấy biên nhận). Từ năm 2023 đến nay bà T không trả lãi cho vợ chồng ông như đã cam kết.

+ *Lần thứ ba*: ngày 26/8/2021 (tức ngày 19/7/2021 âm lịch), bà T đến nhà ông hỏi vay 100.000.000 đồng và đưa ra lý do để chồng bà T là ông T1 đổi xe ô tô (ông T1 chạy xe hợp đồng chở học sinh đi học), vợ chồng ông thấy đây là lý do chính đáng nên đồng ý cho bà T vay số tiền này, khi vay các bên có viết giấy vay tiền trong đó có thỏa thuận lãi xuất là 1%/01 tháng và 06 tháng trả lãi một lần và cũng hứa miệng với nhau khi nào vợ chồng ông đòi thì phải báo trước 01 tháng. Đối với khoản vay này bà T cũng đã trả lãi đến hết năm 2022 như các bên đã cam kết sau đó từ năm 2023 đến nay bà T không trả lãi cho vợ chồng ông.

+ *Lần thứ tư*: ngày 09/3/2022, bà T vay thêm của vợ chồng ông 01 cây vàng 9999 đưa ra lý do cho (ông T1) chồng bà T đi đăng kiểm xe, đồng thời bà T vẫn tiếp tục hứa trả gốc lãi đúng hạn như những lần trước, lần vay này các bên có viết giấy vay vàng và bà T đã trả lãi được sáu tháng, từ năm 2023 đến nay bà T không trả lãi cho vợ chồng ông như đã cam kết.

Đến tháng 01/2023, gia đình ông cần tiền để lo công việc nên ông đã gặp trực tiếp bà T để đòi nợ. Tuy nhiên, bà T có nói là chưa lo liệu được, đồng thời hứa đến tháng 10 năm 2023 trả 02 cây vàng và 100.000.000 đồng. Đến cuối năm 2023 (âm lịch) thì trả nốt 02 cây vàng còn lại hai bên có lập giấy khất nợ đề ngày 08/2/2023 nhưng cho đến nay bà T đã không thực hiện đúng cam kết. Do vậy, ông đã khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm xem xét buộc bà T phải trả cho vợ chồng ông 04 (bốn) cây vàng 9999; trị giá 70.000.000 đồng/01 cây, tổng cộng là 280.000.000 đồng (cho 04 cây vàng 9999) và 100.000.000 đồng tiền mặt, như vậy tổng số tiền bà T phải trả là 380.000.000 đồng. Đồng thời ông đề nghị Tòa án buộc bà T phải trả lãi xuất với mức 10%/01 năm cho vợ chồng ông kể từ ngày 08/02/2023 đến khi Tòa án đưa vụ việc ra xét xử.

Ông xác định, việc vay nợ của bà T không liên quan gì đến ông Nguyễn Văn T1 là chồng bà T, do vậy ông chỉ yêu cầu bà T phải trả nợ cho vợ chồng ông.

- Về án phí: ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 25/5/2024, biên bản làm việc ngày 05/8/2024 và trong quá trình giải quyết, bị đơn - bà Đỗ Thị Thu T (Đỗ Thị T) trình bày:

- Bà nhất trí nội dung mà ông Nguyễn Văn T trình bày. Bà xác định: đến ngày 12/9/2024, bà còn nợ ông T, bà B 04 (bốn) cây vàng 9999; và 100.000.000 đồng tiền mặt. Bà vay tiền, vàng của gia đình ông T, bà B với mục đích để mở xưởng may, do việc làm ăn thua lỗ dẫn đến không trả được nợ gốc và lãi cho vợ chồng ông T, bà B (bà mới trả lãi đến hết năm 2022). Việc khởi kiện của ông T, bà B đối với bà về việc trả nợ là đúng. Nay quan điểm của bà là đề nghị ông T, bà B cho bà được trả toàn bộ số nợ gốc vào tháng 7 năm 2025, đồng thời đề nghị ông T, bà B không tính lãi xuất đối với các khoản vay nêu trên. Đồng thời bà cũng xác định các khoản vay của ông T, bà B là vay cá nhân, không liên quan gì đến chồng bà là ông Nguyễn Văn T1 sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn T P, xã L P, huyện T L, tỉnh Hà Nam. Việc vay tiền của bà là để mở xưởng may ở huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam chứ không phải vay chi tiêu cho cuộc sống gia đình. Trong toàn bộ giấy tờ vay, giấy khất nợ cũng chỉ mình bà ký. Khi vay tiền ông T, bà B bà không bàn bạc gì với chồng, chỉ đến khi bà không trả được nợ thì chồng bà mới biết.

Những lần vay tiền, vàng của ông T, bà B đều có giấy biên nhận nhưng đều ghi người vay là Đỗ Thị T, tuy nhiên Căn cước công dân của bà thì có tên đệm cụ thể là Đỗ Thị Thu T (SCCCD 035176003374 - cấp ngày 21/8/2021 nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội), tại bản tự khai tại Tòa án bà cũng ký phía dưới bản tự khai là Đỗ Thị Thu T, bà khẳng định người ký trên những giấy vay Đỗ Thị T và người trên Căn cước công dân Đỗ Thị Thu T chính là bà.

Đối với ông Nguyễn Văn T1, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T1 cũng như xuống tận nhà để làm việc nhưng ông T1 không đến Tòa cũng như không có nhà. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông T1 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày, đề nghị Tòa án buộc bà Đỗ Thị Thu T (Đỗ Thị T) phải trả cho ông số tiền còn nợ là 380.000.000 đồng (gồm 04 cây vàng 9999 x 70.000.000 đồng/01 cây và 100.000.000 đồng tiền mặt), đồng thời yêu cầu bà T phải trả tiền lãi với mức 10%/01 năm từ ngày 08/02/2023 đến ngày 12/09/2024 đối với khoản nợ này là 60.591.781 đồng nhưng ông chỉ lấy 59.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu bà T phải trả cho ông tiền lãi với mức 10%/01 năm từ ngày 13/9/2024 cho đến khi bà T trả xong khoản nợ gốc 380.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Đỗ Thị Thu T (Đỗ Thị T) xác định: bà còn nợ ông T, bà B số tiền 380.000.000 đồng tiền gốc (gồm 04 cây vàng 9999 x 70.000.000 đồng/01 cây và 100.000.000 đồng tiền mặt), như ông T trình bày là chính xác, việc bà vay tiền của ông T, bà B là hoàn toàn tự nguyện không bị lừa dối hay ép buộc,

bà giữ nguyên các quan điểm như đã trình bày ở trên và khẳng định việc vay tiền của ông T, bà B là do một mình bà vay, khoản vay này không chỉ dùng vào việc gia đình, ông T1 chồng bà cũng không biết việc bà vay nợ, không liên quan đến khoản nợ này. Nay ông T, bà B khởi kiện yêu cầu bà trả nợ thì bà xác định đây là khoản nợ riêng của bà với ông T, bà B và có trách nhiệm trả cho ông T, bà B khoản nợ gốc vào tháng 7 năm 2025 còn lãi bà đồng ý mức lãi xuất mà ông T đưa ra nhưng hiện nay bà đang gặp khó khăn xin vợ chồng ông T không tính lãi.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án và phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị B.

- Buộc bà Đỗ Thị Thu T (Đỗ Thị T) phải trả cho ông Tháp, bà Biên số tiền gốc là 380.000.000 đồng. Lãi xuất từ tháng 08/02/2023 đến 12/9/2024 là 59.000.000 đồng và mức lãi xuất 10%/1 năm kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi bà T trả nợ xong khoản nợ gốc 380.000.000 đồng.

- Bà Đỗ Thị Thu T (Đỗ Thị T) phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào nội dung Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị B, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là vụ án yêu cầu thanh toán việc vay nợ, quan hệ pháp luật là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, nên đây là loại án tranh chấp dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Đỗ Thị Thu T (Đỗ Thị T) cư trú tại thôn T P, xã L P, huyện T L, tỉnh Hà Nam, địa điểm lập hợp đồng vay tài sản cũng tại địa chỉ trên. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

[2] Về người tham gia tố tụng: tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã đưa ông Nguyễn Văn T1 - sinh năm 1972 (chồng bà T) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa cả nguyên đơn, bị đơn đều khẳng định ông Nguyễn Văn T1 không liên quan đến khoản nợ mà bà T đã vay của ông T, bà B. Bà T khẳng định vay tiền của ông T, bà B là để bà mở xưởng may, không dùng khoản vay này vào việc chi dùng cho gia đình. Ông T, bà B chỉ yêu cầu một mình bà T trả nợ. Do vậy ông Nguyễn Văn T1 không được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: từ ngày 21/02/2021 đến ngày 09/3/2022, ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị B có cho bà Đỗ Thị Thu T (Đỗ Thị T) vay 100.000.000 đồng với lãi suất là 1%/01 tháng 06 tháng trả lãi một lần và 04 (bốn) cây vàng 9999 với lãi suất là 5.000.000/01 năm/01 cây với mục đích là để bà T mở xưởng may (khi vay các bên có viết giấy vay tiền, vàng). Khi khởi kiện ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị B đã quy đổi 04 (bốn) cây vàng 9999 thành tiền cụ thể 70.000.000 đồng/01 cây x 4 = 280.000.000 đồng, bà T đồng ý với việc quy đổi này. Như vậy bà Đỗ Thị Thu T (Đỗ Thị T) vay của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị B tổng số tiền là 380.000.000 đồng, đồng thời cam kết khi nào vợ chồng ông T, bà B đòi thì phải báo trước 01 tháng cho bà T biết. Bà T cũng đã trả lãi cho ông T, bà B đến hết tháng 01/2023. Ngày 08/02/2023, ông T, bà B đã gặp trực tiếp bà T để trao đổi (đòi) về các khoản vay nêu trên của bà T, tuy nhiên bà T có nói là chưa lo liệu được, xin khát nợ đồng thời hứa đến tháng 10 năm 2023 trả 02 cây vàng và 100.000.000 đồng, đến cuối năm 2023 (âm lịch) thì trả nốt 02 cây vàng còn lại hai bên có viết giấy khát nợ, nhưng cho đến nay bà T đã không thực hiện đúng cam kết. Hội đồng xét xử thấy rằng việc vay tiền, vàng cũng như khi cam kết trả nợ bà T hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, việc bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà B, buộc bà T phải có nghĩa vụ trả nợ khoản tiền gốc là 380.000.000 đồng cho ông T, bà B.

- Về lãi suất: ông T, bà B yêu cầu bà T phải chịu lãi suất đối với khoản vay này 10%/01 năm, kể từ ngày 08/02/2023 cho đến ngày 12/9/2024 là là 60.591.781 đồng nhưng ông chỉ lấy 59.000.000 đồng và lãi suất 10%/01 năm kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi bà T trả xong khoản nợ gốc trên. Bà T cũng đồng ý mức lãi suất mà ông T yêu cầu nhưng xin vợ chồng ông T không tính lãi. Tuy nhiên tại phiên tòa ông T chỉ yêu cầu bà T trả lãi kể từ ngày 08/02/2023 cho đến ngày 12/9/2024 là 59.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận. Xét thấy mức lãi suất mà ông T bà B yêu cầu không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận vì vậy bà Đỗ Thị Thu T (Đỗ Thị T) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền phải trả.

- Số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm nay được trả lại cho ông T, bà B.

Về quyền kháng cáo các đương sự được hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 116, 117, 278, 280, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự;
- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị B.

2. Buộc bà Đỗ Thị Thu T (Đỗ Thị T) phải trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị B số tiền nợ gốc là 380.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày tuyên án sơ thẩm 12/9/2024 là 59.000.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 439.000.000 đồng. Kể từ ngày 13 tháng 9 năm 2024 cho đến khi trả xong khoản nợ gốc 380.000.000 đồng bà T còn phải trả cho ông T bà B tiền lãi với mức lãi xuất 10%/1 năm đối với khoản nợ gốc trên.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Đỗ Thị Thu T (Đỗ Thị T) phải nộp 21.560.000 đồng. Trả lại cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001245 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cảnh